

VỊ THẾ CỦA VIỆT NAM TRONG HỢP TÁC ASEAN - NHẬT BẢN - TRUNG QUỐC

TRẦN ANH PHƯƠNG *

I. MỘT SỐ TIẾN TRIỂN LỚN VỀ HỢP TÁC ASEAN - NHẬT BẢN - TRUNG QUỐC TRONG THỜI GIAN GẦN ĐÂY

Như đã biết, do có nhiều tiềm năng phát triển về kinh tế và vị thế chính trị, ngoại giao... ngày càng cao trên trường quốc tế và khu vực Châu Á- Thái Bình Dương, nên từ nhiều năm qua ASEAN đã được Nhật Bản, và trong khoảng hơn thập niên gần đây, nhất là từ giữa những năm 1990 đến nay cũng đã được cả Trung Quốc đặc biệt quan tâm trong chính sách đối ngoại và hợp tác cùng phát triển về nhiều lĩnh vực, trong đó trước hết và luôn luôn sôi động nhất vẫn là lĩnh vực kinh tế. Trong bối cảnh đó, kể từ tháng 12-1997 hưởng ứng sự đề xuất của ASEAN nhằm thực hiện chiến lược “cân bằng nước lớn” bằng cách mở rộng phạm vi liên kết, hợp tác ra toàn bộ khu vực Đông Á, 3 nước Đông Bắc Á: Nhật Bản, Hàn Quốc, và Trung Quốc đều đồng ý tiến hành cùng với ASEAN các cuộc hội nghị nguyên thủ quốc gia thường niên vào dịp cuối năm với cả hai hình thức : ASEAN + 3 (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc) và ASEAN + 1 (Nhật Bản), ASEAN + 1 (Hàn Quốc), ASEAN + 1

(Trung Quốc). Cũng từ các cuộc gặp gỡ này, ASEAN đã lần lượt ký với các nước đó “Tuyên ngôn hợp tác hướng tới thế kỷ XXI”. Năm 1999, sau khi ASEAN mở rộng số lượng thành viên lên 10 nước thì cơ chế hợp tác giữa ASEAN với Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc cũng lần lượt trở thành cơ chế hợp tác đa phương 10+3 và song phương 10+1. Trên cơ sở hội nghị nguyên thủ, cơ chế 10+3 còn dần dần mở rộng đến hội nghị bộ trưởng kinh tế, bộ trưởng ngoại giao, thống đốc ngân hàng, bộ trưởng tài chính. ASEAN còn sáng lập hoặc tham gia sáng lập các tổ chức và diễn đàn hợp tác như “Hội nghị sau ngoại trưởng ASEAN”, “Diễn đàn khu vực ASEAN”, “Tổ chức hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương”, “Hội nghị nguyên thủ Á - Âu”, “Diễn đàn Đông Á- Mỹ Latinh”... Trong vài năm gần đây, đặc biệt từ sau sự kiện 11-9 đến nay do việc Mỹ tăng cường hợp tác an ninh với ASEAN để chống lại hiểm họa khủng bố nên vai trò quốc tế của ASEAN càng được coi trọng...⁽¹⁾

Trong bối cảnh vị trí, vai trò quốc tế và khu vực của ASEAN ngày càng gia

* TS. Website Đảng Cộng sản Việt Nam.

tăng mạnh mẽ như vậy, tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN VII (Brunây, năm 2001) và Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN VIII (Phnom Penh, Campuchia, năm 2002) đã tiếp tục khẳng định quyết tâm đẩy mạnh tiến trình AFTA và hợp tác toàn diện giữa các nước ASEAN. Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ VIII đã giao cho các bộ trưởng nghiên cứu về “Ý tưởng cộng đồng kinh tế ASEAN”, đồng thời mở rộng hợp tác giữa ASEAN với 3 nước Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc).

Tại Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ IX tại Bali, Indônêxia, 2003, các nhà lãnh đạo ASEAN đã ký Tuyên bố hoà hợp Bali II, gồm 3 trụ cột là: Cộng đồng kinh tế, Cộng đồng chính trị, an ninh và Cộng đồng văn hoá-xã hội. Theo Tuyên bố này, đến năm 2020 sẽ xây dựng Đông Nam Á thành cộng đồng các quốc gia phát triển, hoà hợp trên cả 3 lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế và văn hoá. Cũng tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN IX (2003), các nhà lãnh đạo ASEAN +3 (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc) đều cam kết tăng cường hợp tác ASEAN + 3 để ra tiến trình từ nay đến năm 2010-2012 sẽ tạo lập xong khu vực thương mại tự do giữa các nước ASEAN với Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và có thể còn mở rộng thêm cả với Ôxtrâyli và Niu Dilân, trở thành một cộng đồng kinh tế Đông Á mở rộng trong tương lai như ý tưởng đã được Thủ tướng Nhật Bản Koizumi đề xuất năm 2002, trong đó ASEAN sẽ là hạt nhân liên kết, hợp tác của cộng đồng này.⁽²⁾

II.VỊ THẾ CỦA VIỆT NAM TRONG QUAN HỆ HỢP TÁC ASEAN - NHẬT BẢN - TRUNG QUỐC

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của tổ chức Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) kể từ tháng 7-1995. Từ đó đến nay, tuy là thành viên mới nhưng Việt Nam đã nỗ lực phấn đấu để nhanh chóng hội nhập và khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong tổ chức này. Tham gia vào ARF và từng bước tiến nhanh, hội nhập vào AFTA (năm 2006 Hiệp định này sẽ có hiệu lực hoàn toàn đối với nước ta) Việt Nam đã tăng cường mở rộng các quan hệ kinh tế thương mại, đầu tư... và giao lưu phát triển văn hoá, thể thao... với các nước ASEAN khác. Việt Nam đã đăng cai tổ chức thành công Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN (tháng 12-1998) và Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 33 (12-16/9/2001) tại Hà Nội. Không những thế, Việt Nam còn là quốc gia luôn có sáng kiến hay đưa ra trong các cuộc họp. Ví dụ, tại Hội nghị APEC-11 “Thế giới của sự khác biệt: Đối tác vì tương lai” tổ chức tại Bangkok, Thái Lan (20-21/10/2003), Việt Nam đã đưa ra hai sáng kiến: *thứ nhất*, cần tăng cường hợp tác đầu tư cho cân bằng với hợp tác thương mại nhằm thúc đẩy đầu tư nội khối APEC, trong đó dành ưu tiên đầu tư vào ASEAN; *thứ hai*, đưa ra một số biện pháp cụ thể triển khai kế hoạch hành động hỗ trợ các doanh nghiệp vừa, nhỏ và “siêu nhỏ”, trong đó có việc đề xuất thành lập Quỹ xây dựng năng lực hỗ trợ các doanh nghiệp “siêu nhỏ”. Chỉ 4 năm sau khi gia nhập APEC, Việt Nam đã đề xuất đăng

cai Hội nghị cấp cao APEC-14 vào năm 2006 và được APEC ủng hộ... Đặc biệt, vừa qua trong các ngày 7-9/10 Việt Nam trong tư cách là nước chủ nhà đã tổ chức thành công Hội nghị Diễn đàn cấp cao hợp tác Á - Âu lần thứ 5 (ASEM-5) tại Hà Nội. Tại Hội nghị này, với nhiều sáng kiến đưa ra và những nỗ lực hoạt động đóng góp vào kết quả chung, chúng ta đã làm đẹp thêm hình ảnh một nước Việt Nam năng động, ổn định, giàu tiềm năng, đáng tin cậy và đang chủ động hội nhập quốc tế theo tinh thần Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình và phát triển⁽³⁾... Ngoài việc nỗ lực với các hoạt động chung trên đây Việt Nam cũng luôn luôn chú ý tăng cường hơn nữa các mối quan hệ hợp tác toàn diện về nhiều lĩnh vực, trong đó sôi động nhất vẫn là ở lĩnh vực kinh tế với các nước thành viên của ASEAN+3. Riêng với 2 nước Đông Bắc Á: Nhật Bản, Trung Quốc, thực tế cho thấy Việt Nam đã duy trì được mối quan hệ tốt đẹp đối với cả 2 nước này. Cho đến nay Nhật Bản vẫn là bạn hàng thương mại và cũng là nhà tài trợ ODA lớn nhất đối với Việt Nam. Trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài, tuy Nhật Bản là nhà đầu tư lớn thứ 3 ở Việt Nam song nếu xét về số vốn của các dự án đầu tư đã thực hiện được thì Nhật Bản lại là nhà đầu tư lớn nhất ở Việt Nam với tổng số vốn đã thực hiện có hiệu quả là 3,95 tỷ USD. Trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản đã có bước tiến triển mới rất quan trọng, đó là Hiệp định về tự do xúc tiến và bảo hộ đầu tư giữa hai nước Việt - Nhật đã được

ký kết giữa hai chính phủ và có hiệu lực thực thi kể từ ngày ký kết 14-11-2003. Nhật Bản cũng đã đồng ý sẽ sớm tiến tới thoả thuận nhất trí ký với Việt Nam một Hiệp định thương mại tự do trong thời gian tới và nhất trí cam kết ủng hộ Việt Nam tham gia vào Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)...⁽⁴⁾

Trong quan hệ với Trung Quốc, chúng ta vẫn tiếp tục duy trì được truyền thống hợp tác hữu nghị giữa hai nước láng giềng gần gũi. Những năm qua, đặc biệt gần đây, mối quan hệ Việt-Trung theo phương châm 16 chữ vàng “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” đã có nhiều bước phát triển vượt bậc, trong đó sôi động nhất cũng vẫn là trong lĩnh vực kinh tế. Kim ngạch thương mại hai chiều đã tăng từ 266 triệu USD năm 1992 lên khoảng 4,6-4,8 tỷ USD năm 2003, và kỳ vọng sẽ nâng lên tới 10 tỷ USD vào năm 2010. Trung Quốc hiện có 267 dự án đầu tư vào Việt Nam với số vốn hơn 545 triệu USD. Năm 2003, Trung Quốc đã tăng thêm 61 dự án đầu tư vào Việt Nam với trị giá hơn 147 triệu USD, đứng thứ 5 trong số các nhà đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.

Liên quan đến các vấn đề lãnh thổ, Hiệp định biên giới trên đất liền (1999), Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá (2000) đã được ký kết và có hiệu lực thực hiện giữa hai nước Việt - Trung đã đi vào cuộc sống, tạo ra những thuận lợi mới trong mở rộng hợp tác hữu nghị giữa hai nước.⁽⁵⁾

Việt Nam có được vị thế ngày càng vững mạnh trên trường quốc tế và đặc biệt là ở khu vực Đông Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng như đã kể ra ở mức độ khái quát nhất trên đây là do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau cùng tác động, trong đó có hai nguyên nhân quan trọng và cơ bản nhất. *Thứ nhất*, đó là Việt Nam đã thực hiện có hiệu quả cao đường lối đối ngoại rộng mở và đúng đắn phù hợp với nhu cầu phát triển của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá và khu vực hoá hiện nay. *Thứ hai*, các đối tác của Việt Nam trong đó có các nước ASEAN+3 đều đã nhìn thấy hiện thực và tiềm năng phát triển của Việt Nam ở tất cả mọi lĩnh vực mà họ có thể hợp tác cùng phát triển, trong đó trước hết là các lợi ích về phát triển kinh tế và nâng cao vị thế chính trị ở khu vực và trên thế giới, vì như đã biết Việt Nam là quốc gia có vị trí tiền đồn về an ninh chính trị đối ngoại ở Đông Nam Á và hơn thế nữa Việt Nam đang là “miền đất hứa” có nhiều tiềm năng về các nguồn lực tài nguyên, lao động và lại đang rất ổn định về chính trị - xã hội... Thực tế cho thấy, đến nay Việt Nam đã có quan hệ với hầu hết các tổ chức tiền tệ và tài chính quốc tế như IMF, WB, ADB... Việt Nam cũng đã quan hệ ngoại giao và hợp tác kinh tế với hơn 150 nước và lãnh thổ trên thế giới, đã ký kết Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, Hiệp định đầu tư song phương với 40 nước và Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với 40 nước khác. Hiện nay Việt Nam đang xúc tiến đàm phán việc thực hiện được mong muốn trở thành thành viên chính thức

của WTO vào năm 2005, trước khi kết thúc vòng đàm phán Đô-ha... Trong những năm qua, thực hiện đường lối đối mới của Đảng Cộng sản Việt Nam chúng ta đã chủ động hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực, liên tục đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 7% năm, năm 2004 đạt khoảng 7,6% và năm 2005 sẽ quyết tâm phấn đấu đạt ở mức cao hơn là từ 8% - 8,5% như kỳ họp thứ sáu của Quốc hội khoá XI đã đề ra.⁽⁶⁾

Mặc dù Việt Nam đã và đang tiếp tục tạo dựng được một vị thế vững vàng và triển vọng phát triển sáng sủa như vậy song nghiêm túc nhìn nhận chúng ta còn phải nỗ lực phấn đấu nhiều hơn nữa, cao hơn nữa để đến năm 2020 mới có thể thực hiện được mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX (2001) đã đề ra là trở thành nước công nghiệp. Trước mắt, chúng ta cần phải nỗ lực phấn đấu vượt qua một số trở ngại, thách thức lớn nhất sau đây trong tiến trình hội nhập ASEAN + 3 nói riêng và hội nhập kinh tế quốc tế nói chung.

Thứ nhất, mặc dù nền kinh tế Việt Nam đã duy trì liên tục được sự tăng trưởng khả quan như trên đã đề cập, vào loại nhanh thứ hai ở châu Á, chỉ sau có Trung Quốc. Thành tích lớn như vậy là rất đáng mừng, song có điều chưa thể hoàn toàn yên tâm với thành tích này vì nỗi lo về nguy cơ tụt hậu vẫn còn đó. Số liệu thống kê từ bảng 1 đã cho thấy, nếu xét theo GDP thực tế năm 2001, Việt Nam vẫn chỉ ở vị trí xếp hạng lớn thứ 10 trong khối 13 nước ASEAN + 3 (ta chỉ đứng trước Brunây, Campuchia và Lào)

và đứng thứ 58 trên thế giới, vẫn thuộc vào nhóm nước nghèo.

**Bảng 1: SO SÁNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN
CỦA CÁC THÀNH VIÊN ASEAN + 3**

	Tên nước	Diện tích (km ²)	Xếp hạng TG	Dân số 2001 (nghìn người)	Xếp hạng TG	GDP 2001 giá thực tế (triệu USD)	Xếp hạng TG	GDP tính theo sức mua tương đương (PPP), giá trị năm 2000 (triệu USD)
1	Trung Quốc	9.598.050	4	1.271.900	1	1.159.017	6	5057.472
2	Nhật Bản	377.800	60	127.100	10	4.245.191	2	3.399.155
3	Hàn Quốc	99.260	107	47.645	26	422.167	12	834.240
	Cộng 3 nước Đông Bắc Á	10.075.110		1.446.645		5.826.375		9.291.881
	ASEAN							
1	Brunây	5.770	162	345	169	4.123	111	5.796
2	Cămpuchia	181.040	87	12.266	65	3.384	128	12.145
3	Indônêxia	1.904.570	15	213.638	4	145.306	30	651.202
4	Lào	236.800	80	5.403	104	1.712	139	8.505
5	Malaixia	329.750	64	23.796	42	87.540	42	217.632
6	Mianma	676.580	39	48.315	25	39.172	56	57.600
7	Philippin	300.000	70	77.015	14	71.438	44	305.767
8	Xingapo	620	176	4.103	120	85.648	41	93.424
9	Thái Lan	513.120	49	61.238	19	114.760	32	390.522
10	Việt Nam	329.241	65	78.686	13	31.513	58	155.688
	Cộng 10 nước ASEAN	4.477.491		523.805		584.596		1897.881
	Cộng 13 nước	14.552.501		1.970.450		6.410.971		1189.148

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Số liệu kinh tế – xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, NXB Thống kê, Hà Nội, 2002.

Việc đánh giá về trình độ phát triển kinh tế có thể căn cứ vào chỉ tiêu GDP như trên, song có một loại chỉ tiêu khác rất quan trọng phản ánh thực chất mức sống của người dân và cũng là thể hiện

tương đối toàn diện về trình độ phát triển kinh tế của mỗi nước đó là chỉ tiêu GDP bình quân đầu người. Ta hãy thử so sánh chỉ tiêu đó của Việt Nam với Trung Quốc và Thái Lan là hai nước

cùng khu vực và hơn nữa cùng trong khối ASEAN + 3 với Việt Nam.

Bảng 2: SO SÁNH GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

Đơn vị: USD

Năm	1998	2001	2002	2003
Trung Quốc	740	890	940	1120 ⁽⁷⁾
Việt Nam	350	410	430	500 ⁽⁸⁾
Hệ số chênh lệch TQ/VN (lần)	2,11	2,17	2,18	2,24

Qua biểu trên, ta thấy rõ hệ số chênh lệch ngày càng lớn, cũng có nghĩa là mức tụt hậu của nền kinh tế nước ta so với nền kinh tế Trung Quốc đã ngày càng xa hơn.

Nếu so với Thái Lan, xin phép trích dẫn đoạn văn của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt: “Tôi muốn minh họa bằng một ví dụ: Thu nhập bình quân đầu người của nước ta khoảng 450USD, với mức tăng trưởng GDP năm 2002 là 7,2% chia đều cho mỗi người, mỗi người sẽ được thêm 32USD. Trong khi đó, thu nhập

bình quân đầu người của Thái Lan là 2.200USD, với mức tăng trưởng của Thái Lan năm 2002 là 4,8%, mỗi người dân Thái Lan sẽ được thêm 132USD. Như vậy, dù tốc độ tăng trưởng của ta hơn Thái Lan đến khoảng gần 50% năm 2002, bình quân người dân Thái Lan vẫn “giàu” thêm hơn ta gấp 3 lần”.⁽⁹⁾

Cũng theo phương pháp tiếp cận tương tự, ta hãy so sánh mức GDP bình quân đầu người giữa Việt Nam và Thái Lan qua bảng dưới đây:

Bảng 3: SO SÁNH GDP BÌNH QUÂN/NGƯỜI GIỮA VIỆT NAM VÀ THÁI LAN

Đơn vị: USD

	2002	2003	2004	2005 *
Thái Lan	2043	2173	2346	2580
Việt Nam	439	471	509	549
Hệ số so sánh TL/VN (lần)	4,65	4,61	4,60	4,69

Nguồn: - Số liệu của ASEAN Statistic Unit

* Dự báo Thái Lan sẽ tăng 10% GDP

Rõ ràng là, ta thấy hệ số so sánh có xu thế tăng lên, cũng có nghĩa là mức tụt hậu của nền kinh tế Việt Nam so với

Thái Lan cũng ngày càng nặng nề hơn và mức tụt hậu của Việt Nam so với Thái Lan còn xa hơn so với Trung Quốc.

Đối với các nước công nghiệp phát triển khác, có mức độ thu nhập gấp 10 lần hay 15 lần của Thái Lan, nếu họ chỉ tăng 2,5% mỗi năm thôi, phần thu nhập giàu thêm của họ chắc chắn cũng gấp hơn 20 lần so với ta.

Từ tương quan so sánh về hai loại chỉ tiêu kinh tế cơ bản trên đây cho thấy rõ ràng nỗi lo về nguy cơ tụt hậu của Việt Nam trên thế giới, trước hết là trong khu vực vẫn còn đó. Ngoài ra còn chưa kể đến một số trở ngại, bất cập khác mà chúng ta chưa thể vượt qua được ngay trong thập niên này. Đó là sự tồn tại một hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật của nền sản xuất xã hội còn nhiều lạc hậu, bao gồm cả những vấn đề còn rất nan giải như hệ thống máy móc, thiết bị chủ yếu là ở các thế hệ cũ, thậm chí rất cũ, hệ thống giao thông - dịch vụ tài chính, ngân hàng... cùng với quá trình đô thị hoá tuy đã khá hơn nhiều so với trước song vẫn còn khắp khểnh chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển bền vững ở nước ta. Về phương diện chính trị, xã hội và văn hoá, bên cạnh sự ổn định và phát triển đi lên là cơ bản, chúng ta vẫn còn quá nhiều nỗi lo về một xã hội “văn minh nửa chừng”. Nghĩa là, có những điều chúng ta đã đạt được ở trình độ trung bình khá hoặc tiên tiến của khu vực và thế giới, ví dụ như theo đánh giá của UNDP và WB về chỉ số giáo dục và chỉ số phát triển con người Việt Nam đều đạt ở mức khá nhưng đó là về đại thể, còn trên thực tế vẫn có không ít người,

đặc biệt kể cả ở lớp trẻ Việt Nam hiện nay vẫn còn những nhận thức lệch lạc trong cách sống, dẫn đến dễ bị tha hoá, biến chất thành những con người ích kỷ, thực dụng và do đó tệ nạn xã hội, tội phạm, mất an ninh trật tự xã hội cũng từ đó ngày càng gia tăng.

Liên quan đến vấn đề nguy cơ tụt hậu trên đây cũng cần phải kể đến một yếu kém của Việt Nam hiện nay, đó là năng lực cạnh tranh của chúng ta còn thấp, chậm được cải thiện. Theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) xét về các chỉ số cạnh tranh của nền kinh tế, Việt Nam xếp thứ 48/53 nước được xem xét năm 1999, 60/75 nước năm 2001 và 65/80 năm 2002. Cụ thể, có thể kể ra nhiều yếu kém như sức cạnh tranh về năng lực quản lý doanh nghiệp còn yếu. Nhiều doanh nghiệp nhà nước tồn tại được là nhờ có sự bảo hộ, trợ cấp của Nhà nước. Tỷ lệ doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ còn lớn. Xét về tiêu chí cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá như giá cả, chất lượng, mạng lưới tổ chức tiêu thụ và uy tín doanh nghiệp thì sức cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam cũng còn thua kém hơn so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Tình hình này nếu như từ nay đến năm 2006 khi hiệu lực của AFTA đối với Việt Nam được thực thi liệu hàng hoá của chúng ta kể cả hàng xuất khẩu lẫn hàng tiêu dùng nội địa có đủ sức cạnh tranh với hàng hoá của tất cả các nước ASEAN không? đó là chưa kể từ nay đến năm 2010 nếu như Hiệp định thương mại tự do ASEAN

- Trung Quốc, và có thể có cả Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Nhật Bản - trở thành hiện thực, tiến tới ASEAN +3, thậm chí mở rộng hơn nữa thành ASEAN + 4 hay + 5, + 6 ... trở thành một khu vực thương mại tự do rộng lớn toàn Đông Á, thì Việt Nam sẽ phải làm thế nào để hàng hoá của mình, nền kinh tế của mình đủ sức cạnh tranh với tất cả các đối tác khác.

Chúng ta đang mong muốn vào WTO vì vào được tổ chức thương mại tự do lớn nhất thế giới đó sẽ có nhiều thuận lợi trong liên kết, hợp tác phát triển kinh tế, đặc biệt là về thương mại và đầu tư, nhưng nếu chúng ta không nỗ lực phấn đấu nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hoá của nền kinh tế Việt Nam thì chắc chắn chúng ta sẽ gặp phải nhiều khó khăn thách thức, phải trả giá đắt cho sự yếu kém, thua thiệt.

Thứ hai, một khó khăn, thách thức lớn đối với Việt Nam và có lẽ không chỉ riêng với Việt Nam mà kể cả một số các nước khác trong khối ASEAN +3 đang vẫn còn tồn tại ít nhiều những nét không tương đồng về đời sống văn hoá, thể chế chính trị - xã hội, và nhất là vẫn đang còn những mâu thuẫn, xung đột riêng dù là đã xảy ra trong quá khứ hay đang còn tiếp diễn trong hiện tại. Riêng đối với Việt Nam, chúng ta về cơ bản đã có quan hệ hợp tác hữu nghị tốt đẹp về nhiều lĩnh vực với các nước ASEAN khác, với Nhật Bản và Trung Quốc. Tuy nhiên thể chế chính trị - xã hội của Việt Nam và kể cả đời sống văn hoá cũng có

nhiều nét khác với các nước đó, đặc biệt là về thể chế chính trị - xã hội đã có nhiều khác biệt nhất, cho dù nếu so với Trung Quốc thì Việt Nam cũng có nhiều nét tương đồng hơn do cùng chung định hướng XHCN trong sự phát triển...

Sự khác biệt trên khiến chúng ta có thể sẽ gặp khó khăn, bất cập trong quan hệ hợp tác phát triển với Nhật Bản, Trung Quốc và các nước ASEAN khác để cùng liên kết, hợp tác phát triển, vì thế đòi hỏi phải có sự năng động, khôn khéo và nguyên tắc cơ bản đặt ra là cần tôn trọng chủ quyền đất nước và thể chế chính trị - xã hội của nhau. Có thể thì mới “hội nhập” được mà không bị “hoà tan”.

Liên quan đến việc giải quyết khó khăn, thách thức lớn trên đây, trong quan hệ với Nhật Bản, Trung Quốc và các nước ASEAN khác chúng ta cần phải vượt qua cả những trở ngại, bất cập do những mâu thuẫn, xung đột đã có trước đây về các vấn đề trong lịch sử. Đó là chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa phát xít Nhật đối với Việt Nam và một số nước khác ở châu Á trong Thế chiến thứ hai trước đây. Đó là sự liên minh Nhật - Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam thời kỳ Chiến tranh lạnh. Đó là những mâu thuẫn, xung đột quân sự từ lịch sử xa xưa và cả gần đây trong quan hệ Trung Quốc - Việt Nam, đặc biệt là vấn đề tranh chấp lãnh thổ, hải đảo, vùng biển và không phận giữa hai nước Trung - Việt vẫn chưa giải quyết xong... Nguyên tắc cơ bản của

chúng ta đã được Đảng và Nhà nước CHXHCN Việt Nam đề ra là tôn trọng chủ quyền lãnh thổ và chế độ chính trị - xã hội của nhau, quên đi những quá khứ không hay đã xảy ra, tạm gác những bất đồng hiện tại nếu chưa giải quyết được để cùng hướng về tương lai của sự liên kết, hợp tác phát triển. Vì thế đòi hỏi chúng ta hết sức cẩn thận, khôn khéo, nhưng vẫn phải mạnh dạn, năng động và sáng tạo trong hội nhập để phát triển. Cần phải suy nghĩ và hành động như vậy không phải chỉ riêng với tiến trình hội nhập ASEAN-Nhật Bản-Trung Quốc mà kể cả với toàn bộ tiến trình hội nhập khu vực và toàn cầu.

Trên đây là hai khó khăn, thách thức lớn nhất đặt ra mà chúng ta cần phải nỗ lực phấn đấu vượt qua trong tiến trình hội nhập có hiệu quả vào ASEAN-Nhật Bản-Trung Quốc. Đương nhiên còn có thể kể ra một số khó khăn, thách thức lớn khác như nhiều ý kiến đã đưa ra. Đó là những hạn chế, bất cập của nguồn nhân lực Việt Nam trước yêu cầu cao của hội nhập quốc tế và khu vực, những yếu kém của cơ chế quản lý hành chính Việt Nam hiện nay mặc dù chúng ta đã cải cách, đổi mới nhiều... Và ngoài ra còn những khó khăn, thách thức lớn từ bối cảnh quốc tế và khu vực đưa lại, trong đó phải kể đến sự thiếu thiện chí đối với công cuộc đổi mới ở Việt Nam của Mỹ, những đe dọa đối với an ninh phát triển của toàn cầu như đã kể trên, trong đó đáng lo ngại nhất hiện nay là tình trạng môi trường thiên nhiên ngày càng xấu

hơn, thiên tai, dịch bệnh do đó càng gia tăng mạnh, chủ nghĩa khủng bố vẫn đang là hiểm họa lớn nhất của loài người... Những vấn đề này xin sẽ được đề cập đến trong một bài viết khác.



CHÚ THÍCH:

1. TTXVN, Tài liệu tham khảo đặc biệt, 10-5-2004, tr.9-10
2. Thực ra người đầu tiên đề xuất ý tưởng tương tự như vậy từ cuối thập niên 1980 là Thủ tướng Malaixia-Mahathir Mohamad, nhưng khi đó đã bị Mỹ và nhiều nước khác phản đối.(TG).
3. Báo *Nhân dân* số ra ngày 10-10-04
4. Vũ Văn Hà - Trần Anh Phương: *Quan hệ kinh tế Việt Nam-Nhật Bản trong bối cảnh quốc tế mới những năm gần đây và triển vọng*, Nghiên cứu Kinh tế, số 10(317)-10-2004.
5. Báo *Nhân dân*, 7-10-2004.
6. Báo *Nhân Dân* các ngày 19,20 và 26-10-2004
7. Ước năm 2003. Số liệu của Worldbank Statistic(www.worldbank.org)
8. The Economist. Tuổi trẻ số 1-04, tr.12 và *Nhân dân Chủ nhật* 25-1-04
9. Trần Đình Bút: “*Nhìn lại gần 20 năm đổi mới của Việt Nam: Tăng trưởng kinh tế nhanh, nhưng nổi lo chất lượng và tụt hậu xa hơn còn đó*”, Báo cáo khoa học tại Hội thảo Quốc tế về Việt Nam học lần thứ hai, TP.Hồ Chí Minh, 14-16/7/2004.